

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 23.2.2020

---

### 113. Kinh Chân Nhân (Sappurisa Sutta)

*Sappurisa – chân nhân có nghĩa là “con người đúng nghĩa con người” chỉ cho bậc hiền nhân thiện trí ở đời. Ở đây chỉ cho người sống với giá trị thật. Trong pháp thoại này Bậc Đạo Sư dạy về một vị xuất gia trên hành trình tu tập quan niệm thế nào là đúng đắn đối với chính mình.*

#### 543. Nhìn bên ngoài như vậy nhưng thực chất có khác biệt

*Cho dù mang hình thức tu sĩ, ngay cả với sự thành đạt trong lãnh vực thiền định thì vẫn cần phân biệt cái nhìn của bậc chân nhân và phi chân nhân. Bậc chân nhân cuối cùng sẽ đoạn tận các lậu hoặc thành tựu cứu cánh giải thoát. Đặc biệt trong pháp thoại này Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh từ bước một của một người hành trình trên đường tu tập là không khen mình chê người, một thứ ngã chấp mà những người thành tựu sở đắc sở chứng hay vấp phải.*



#### Kinh Văn

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthī, Jetavana, tại tịnh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng" -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

-- Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân xuất gia từ một gia đình cao sang. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo, này không xuất gia từ một

gia đình cao sang". Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ (paṭipadam) làm chánh yếu (antaram?) không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân xuất gia từ một gia đình lớn... xuất gia từ một gia đình đại phú... xuất gia từ một gia đình quý phái. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái". Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy được sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân được nhiều người biết, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng". Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê

người vì tự mình được nhiều người biết và danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân được các vật (cúng dường) như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh". Vì người ấy thân nhận được như vậy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người tự mình được thân nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo có người phi Chân nhân là người nghe nhiều. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều". Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là bậc trì luật. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì luật". Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay

các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc trì luật, những người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người thuyết pháp. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp". Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người theo hạnh sống ở núi rừng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi". Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh mặc phần tảo y. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh mặc phần tảo y. Còn các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phần tảo y". Người này do tự mình theo hạnh mặc phần tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phần tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phần tảo y nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phần tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người theo hạnh khát thực. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta theo hạnh khát thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khát thực". Người ấy, do tự mình theo hạnh khát thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh khát thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khát thực nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khát thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo hạnh sống dưới gốc cây. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây". Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh sống tại nghĩa địa... theo hạnh sống ngoài trời... theo hạnh thường ngồi (không nằm)... Theo hạnh ngồi tại chỗ mời... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi.

Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú sơ Thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người chứng được sơ Thiên, các người Tỷ-kheo này không chứng được sơ Thiên". Người ấy do tự mình chứng được sơ Thiên nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định sơ Thiên, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định sơ Thiên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh như tâm... Thiên thứ ba... chứng và trú Thiên thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng đắc định Thiên thứ tư. Còn các Tỷ-kheo này không chứng đắc định Thiên thứ tư". Người ấy vì chứng đắc định Thiên thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thiên thứ tư, tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng đắc định Thiên thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không

vô biên xứ". Người ấy, vì chúng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Định Không vô biên, xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chúng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Thức Vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Thức vô biên xứ". Người ấy vì chúng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu" chúng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Vô sở hữu xứ còn, các Tỷ-kheo này không chúng được định Vô sở hữu xứ". Người ấy, vì chúng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ". Người ấy vì chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Phi tưởng phi phi tưởng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này thế khác thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Phân đoạn & chú thích: Tỷ Kheo Giác Đăng*

**-ooOoo-**



**Kinh số 113 [tóm tắt]**  
**Kinh Chân Nhân**  
**(Sappurisa Sutta)**  
**(M.iii, 37)**

Đức Thế Tôn giảng về chân nhân pháp và phi chân nhân pháp. Phi chân nhân pháp là:

1. Khi vị Tỷ-kheo nghĩ mình xuất gia từ một gia đình cao sang, từ chủng tộc tôn quý, từ gia đình đại phú, gia đình quý phái... mà nhân đó khen mình chê người.
2. Khi vị Tỷ-kheo do được nhiều người biết đến mà khen mình chê người.
3. Khi được đồ cúng nhiều mà khen mình chê người.
4. Đa văn mà khen mình chê người.
5. Ý mình là kẻ trì luật.
6. Ý mình là người thuyết pháp.
7. Ý mình là người theo hạnh sống ở rừng núi.
8. Ý mình là kẻ theo hạnh mặc phần tảo y.
9. Ý mình là kẻ theo hạnh khát thực.
10. Ý mình là kẻ theo hạnh sống ở gốc cây, ở nghĩa địa, ngoài trời, thường ngồi không nằm, theo hạnh nhất tọa thực. Do những khổ hạnh ấy, khen mình chê người.
11. Chứng được Sơ thiền, Nhị thiền,... cho đến Phi tưởng phi phi tưởng mà khen mình chê người.

Đó là phi chân nhân pháp.

Chân nhân pháp ngược lại, là khi vị Tỷ-kheo suy nghĩ: “Không phải do xuất gia từ gia đình cao sang, đại phú, quý phái, không phải vì có danh xưng, được cúng dường, đa văn, trì luật, thuyết pháp, sống ở rừng núi, mặc phần tảo y, theo hạnh khát thực, sống ở gốc cây, nghĩa địa, ngồi mãi không nằm và các khổ hạnh khác, không phải

do những điều này mà tham, sân, si, được đoạn trừ. Nếu một vị xuất gia hành trì đúng pháp, chân chánh, không khen mình chê người, vị ấy đáng được tán thán”.

Lại nữa, người chân nhân khi chứng được Sơ thiên cho đến Tứ thiên, suy nghĩ như sau: “Định này tự tánh là vô tham ái”, nên không khen mình chê người. Cho đến chứng được Phi tướng phi phi tướng xứ, vị ấy nghĩ rằng: “Vị ấy lấy vô tham ái làm gốc”, không khen mình chê người vì được định Phi tướng phi phi tướng xứ, như vậy gọi là chân nhân pháp. Và người chân nhân, sau khi vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng định, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Vị ấy, không nghĩ mình là bất cứ việc gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, bất cứ vì nguyên nhân gì.

Thế Tôn thuyết giảng xong, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-

**Kinh số 113 [dàn ý]**  
**Kinh Chân Nhân**  
**(Sappurisa Sutta)**  
**(M.iii, 37)**

**A. Duyên khởi:**

Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và tuyên bố sẽ giảng về chân nhân pháp và phi chân nhân pháp.

**B. Chánh kinh:**

Thế Tôn thuyết giảng phi chân nhân và chân nhân đối với 28 pháp. Phân loại theo vấn đề:

I. Đối với vấn đề gia đình: Từ số 1 đến số 4: gia đình cao sang, đại gia đình, gia đình đại phú, gia đình quý phái.

II. Đối với khả năng cá nhân: Từ số 5 đến số 9, gồm 5 pháp: có danh xưng, được cúng dường, nghe nhiều, trì luật, thuyết pháp.

III. Đối với hạnh đầu đà 29 pháp từ số 10 đến số 18, sống rừng núi, mặc phần tảo y, hạnh khát thực, sống dưới gốc cây, sống tại nghĩa địa, sống ngoài trời, hạnh thường ngồi, không nằm, ngồi tại chỗ mời, chỉ ăn một lần.

IV. Đối với thiên sắc giới, thiên vô sắc giới: từ số 19 đến số 26, gồm 8 pháp: chứng sơ thiên, thiên thứ 2, thiên thứ 3, thiên thứ 4, 4 thiên ở vô sắc giới.

V. Đối với diệt thọ tướng định và đoạn trừ các lậu hoặc: 2 pháp 27 và 28.

### **C. Kết luận:**

Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

**-ooOoo-**

## **Kinh số 113 [toát yếu] Kinh Chân Nhân (Sappurisa Sutta)**

### **I. TOÁT YẾU**

***Sappurisa Sutta - The True Man.***

*The Buddha distinguishes the character of a true man from that of an untrue man.*

***Bậc chân nhân.***

*Phật giảng biệt đặc tính của một người chân chính khác với người bất chính.*

### **II. TÓM TẮT**

Phật giảng về chân nhân và phi chân nhân [1]. Phi chân nhân thì tự hào vì mình xuất gia từ một gia đình cao sang, nên khen mình chê người. Cũng vậy, tự hào về giai cấp (dòng họ), danh tiếng, lợi lộc, đa văn, trì luật, thuyết pháp, khổ hạnh [2], chứng thiên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, tự cho ta được như vậy, các tỷ kheo khác không được, nên khen mình chê người. Chân nhân thì lấy đạo làm chính yếu, nên không nghĩ vì thuộc gia đình cao sang, dòng họ cao quý, danh tiếng... cho đến chứng các

thiền, mà tham sân si được đoạn trừ, do vậy không khen mình chê người. Vị ấy nhớ lời Phật dạy rằng sự thật về mọi thứ luôn luôn khác với những gì được quan niệm về chúng [3], nên vượt qua Phi tướng phi phi tướng, chứng Diệt thọ tướng định [4], và sau khi thấy với trí tuệ, lậu hoặc đoạn trừ. Vị ấy không nghĩ mình là bất cứ gì, không nghĩ đến bất cứ việc gì [5].

### III. CHÚ GIẢI

1. *Sappurisdhamma* và *asappurisdhamma*.

2. Tức 13 khổ hạnh đề cập trong Thanh tịnh đạo, chương II.

3. MA giải thích *atammayatā* không đồng hóa, không bao gồm trong đó, có nghĩa là vắng mặt khát ái. Nhưng theo đoạn văn này có lẽ là vắng bóng ngã mạn thì đúng hơn. Câu vì dù chúng quan niệm thế nào đi nữa thì sự thực bao giờ cũng khác hơn (*yena yena hi mannati tato tam hoti annathā*) là một ẩn ngữ triết học còn xuất hiện trong Tiểu bộ kinh 588 và Ud. 3. Luận Udāna giải thích nó có nghĩa rằng dù phạm phu quan niệm thế nào về các uẩn, là ngã hay ngã sở thuộc v.v, sự thực vẫn khác với những gì người ta gán cho nó: nó không là tôi hay của tôi.

4. Cần ghi chú rằng không có chuyện người phi chân mà lại nhập định Diệt thọ tướng được. Khác với bốn thiền và bốn định vô sắc mà phạm phu cũng chứng được, định Diệt thọ tướng là phạm vi chỉ dành cho những vị đã chứng quả Bất hoàn và A-la-hán.

5. *Na kinci mannati, na kuhinci mannati, na kenaci man-nati*. Đây là một lời ngắn gọn về cùng một trạng thái đã được mô tả đầy đủ trong kinh Trung bộ 1. Về tướng tri, xem chú thích số 6.

### IV. PHÁP SỐ

(không có)

### V. KỆ TỤNG

Phật giảng về chân nhân  
Và phi chân nhân pháp.  
Phi chân nhân xuất gia  
Tự hào về đủ thứ:

Ta gia đình cao sang  
Tỷ kheo khác hèn hạ  
Do tư duy như vậy  
Nên khen mình chê người.

Về giai cấp dòng họ,  
Danh tiếng và lợi lộc  
Đa văn, khéo giữ giới,  
Thuyết pháp và khổ hạnh  
Nghĩ không ai bằng mình.

Chân nhân thì suy nghĩ  
Không do các pháp ấy  
Tham sân si đoạn trừ  
Cốt yếu là hành đạo.  
Vớ tư duy như vậy  
Không khen mình chê người  
Thấy ai hành đúng pháp  
Cũng cần đáng tán dương.

Khi chứng đắc các thiền  
Cho đến Phi phi tướng  
Phi chân nhân tự mãn  
Cho không ai bằng mình.

Chân nhân không như vậy  
Khi chứng đắc tứ thiền  
Cho đến Phi phi tướng  
Vẫn với tâm vô tham.

Nhờ thế vượt Phi tướng,  
Chứng Diệt thọ tướng định  
Lậu hoặc đoạn trừ  
Đạt hoàn toàn giải thoát.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

## 113. Sappurisasuttaṃ [Mūla]

**105.** Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "sappurisdhammaṅca vo, bhikkhave, desessāmi asappurisdhammaṅca. Tam suṇātha, sādhukaṃ manasi karotha bhāsissāmīti. "Evaṃ, bhanteti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "katamo ca, bhikkhave, asappurisdhammo? idha, bhikkhave, asappuriso uccākulā pabbajito hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi uccākulā pabbajito, ime panaññe bhikkhū na uccākulā pabbajitāti. So tāya uccākulīnatāya attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayaṃ [ayampi (sī. pī.)], bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho uccākulīnatāya lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi uccākulā pabbajito hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puṃjo, so tattha pāsāṃsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tāya uccākulīnatāya nevattānukkaṃseti na paraṃ vambheti. Ayaṃ, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso mahākulā pabbajito hoti - pe - [yathā uccākulavāre tathā vitthāretabbaṃ] mahābhogakulā pabbajito hoti - pe - ulārabhogakulā pabbajito hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi ulārabhogakulā pabbajito, ime panaññe bhikkhū na ulārabhogakulā pabbajitāti. So tāya ulārabhogatāya attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho ulārabhogatāya lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi ulārabhogakulā pabbajito hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puṃjo, so tattha pāsāṃsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tāya ulārabhogatāya nevattānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo.

**106.** "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso ñāto hoti yasassī. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi ñāto yasassī, ime panaññe bhikkhū appaññātā appesakkhātī. So tena ñattena [ñātena (sī. ka.), ñātattena (syā. kaṃ. pī.)] attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho ñattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi ñāto hoti yasassī so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puṃjo,

so tattha pāsamsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena ñattena nevatānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo.

"Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso lābhī hoti cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi lābhī cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ, ime panaññe bhikkhū na lābhino cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhārānanti. So tena lābhena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho lābhena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi lābhī hoti cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsamsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena lābhena nevatānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso bahussuto hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi bahussuto, ime panaññe bhikkhū na bahussutāti. So tena bāhusaccena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, , iti paṭisañcikkhati : 'na kho bāhusaccena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi bahussuto hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsamsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena bāhusaccena nevatānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso vinayadharo hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi vinayadharo, ime panaññe bhikkhū na vinayadharāti. So tena vinayadharattena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho vinayadharattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi vinayadharo hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsamsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena vinayadharattena nevatānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso dhammakathiko hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi dhammakathiko, ime panaññe bhikkhū na dhammakathikāti. So tena dhammakathikattena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho dhammakathikattena lobhadhammā vā

parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi dhammakathiko hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsāṃsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena dhammakathikattena nevattānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo.

**107.** "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso ārañṇiko hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi ārañṇiko ime panañṇe bhikkhū na ārañṇikāti. So tena ārañṇikattena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho ārañṇikattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi ārañṇiko hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsāṃsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena ārañṇikattena nevattānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso paṃsukūliko hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi paṃsukūliko, ime panañṇe bhikkhū na paṃsukūlikāti. So tena paṃsukūlikattena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti . Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho paṃsukūlikattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi paṃsukūliko hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsāṃsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena paṃsukūlikattena nevattānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso piṇḍapātiko hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi piṇḍapātiko, ime panañṇe bhikkhū na piṇḍapātikāti. So tena piṇḍapātikattena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho piṇḍapātikattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi piṇḍapātiko hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsāṃsoti. So paṭipadaṃyeva antaraṃ karitvā tena piṇḍapātikattena nevattānukkaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso rukkhāmūliko hoti. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi rukkhāmūliko, ime panañṇe bhikkhū na rukkhāmūlikāti. So tena rukkhāmūlikattena attānukkaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'na kho rukkhāmūlikattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi rukkhāmūliko hoti so ca hoti dhammānudhammappaṭipanno



sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsamsoti. So paṭipadamyeva antaram karitvā tena rukkhamūlikattena nevatānukkamaṇṇeti, na param vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisaḍḍhammo. "Puna caparam, bhikkhave, asappuriso sosāniko hoti - pe - abbhokāsiko hoti... nesajjiko hoti... yathāsanthatiko hoti... ekāsaniko hoti. So iti paṭisaṅcikkhati : 'ahaṃ khomhi ekāsaniko, ime panaññe bhikkhū na ekāsanikāti. So tena ekāsanikattena attānukkamaṇṇeti, param vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisaḍḍhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisaṅcikkhati : 'na kho ekāsanikattena lobhadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, dosadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti, mohadhammā vā parikkhayaṃ gacchanti. No cepi ekāsaniko hoti so ca hoti dhammānudhammapaṭipanno sāmīcippaṭipanno anudhammacārī, so tattha puḷḷo, so tattha pāsamsoti. So paṭipadamyeva antaram karitvā tena ekāsanikattena nevatānukkamaṇṇeti, na param vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisaḍḍhammo.

**108.** "Puna caparam, bhikkhave, asappuriso vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi savitakkaṃ savicāraṃ vivekajaṃ pītisukhaṃ paṭhamaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. So iti paṭisaṅcikkhati : 'ahaṃ khomhi paṭhamajjhānasamāpattiyā lābhī, ime panaññe bhikkhū paṭhamajjhānasamāpattiyā na lābhinoti. So tāya paṭhamajjhānasamāpattiyā attānukkamaṇṇeti, param vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisaḍḍhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisaṅcikkhati : 'paṭhamajjhānasamāpattiyāpi kho atammayatā vuttā bhagavatā. Yena yena hi maññanti tato taṃ hoti aññathāti. So atammayatāññeva antaram karitvā tāya paṭhamajjhānasamāpattiyā nevatānukkamaṇṇeti, na param vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisaḍḍhammo. "Puna caparam, bhikkhave, asappuriso vitakkavicāraṇaṃ vūpasamā ajjhataṃ sampasādanaṃ cetaso ekodibhāvaṃ avitakkaṃ avicāraṃ samādhijaṃ pītisukhaṃ dutiyaṃ jhānaṃ - pe - tatiyaṃ jhānaṃ... catutthaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. So iti paṭisaṅcikkhati : 'ahaṃ khomhi catutthajjhānasamāpattiyā lābhī, ime panaññe bhikkhū catutthajjhānasamāpattiyā na lābhinoti. So tāya catutthajjhānasamāpattiyā attānukkamaṇṇeti, param vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisaḍḍhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisaṅcikkhati : 'catutthajjhānasamāpattiyāpi kho atammayatā vuttā bhagavatā. Yena yena hi maññanti tato taṃ hoti aññathāti. So atammayatāññeva antaram karitvā tāya catutthajjhānasamāpattiyā nevatānukkamaṇṇeti, na param vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisaḍḍhammo. "Puna caparam, bhikkhave, asappuriso sabbaso rūpasāññānaṃ samatikkamā paṭighasāññānaṃ atthaṅgamā nānattasāññānaṃ amanasikārā 'ananto ākāsoti ākāsānañcāyatanaṃ upasampajja viharati. So iti paṭisaṅcikkhati : 'ahaṃ khomhi ākāsānañcāyatanaṃ samāpattiyā lābhī, ime panaññe bhikkhū ākāsānañcāyatanaṃ samāpattiyā na lābhinoti. So tāya ākāsānañcāyatanaṃ samāpattiyā attānukkamaṇṇeti, param vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisaḍḍhammo.

Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'ākāsānañcāyatanasamāpattiyāpi kho atammayatā vuttā bhagavatā. Yena yena hi maññanti tato taṃ hoti aññathāti. So atammayatāññeva antaraṃ karitvā tāya ākāsānañcāyatanasamāpattiyā nevatānukkamaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso sabbaso ākāsānañcāyatanaṃ samatikkamma 'anantaṃ viññāṇanti viññāṇañcāyatanaṃ upasampajja viharati. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi viññāṇañcāyatanasamāpattiyā lābhī, ime panaññe bhikkhū viññāṇañcāyatanasamāpattiyā na lābhinoti. So tāya viññāṇañcāyatanasamāpattiyā attānukkamaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'viññāṇañcāyatanasamāpattiyāpi kho atammayatā vuttā bhagavatā. Yena yena hi maññanti tato taṃ hoti aññathāti. So atammayatāññeva antaraṃ karitvā tāya viññāṇañcāyatanasamāpattiyā nevatānukkamaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso sabbaso viññāṇañcāyatanaṃ samatikkamma 'natthi kiñcīti ākiñcaññāyatanaṃ upasampajja viharati. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi ākiñcaññāyatanasamāpattiyā lābhī, ime panaññe bhikkhū ākiñcaññāyatanasamāpattiyā na lābhinoti. So tāya ākiñcaññāyatanasamāpattiyā attānukkamaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'ākiñcaññāyatanasamāpattiyāpi kho atammayatā vuttā bhagavatā. Yena yena hi maññanti tato taṃ hoti aññathāti. So atammayatāññeva antaraṃ karitvā tāya ākiñcaññāyatanasamāpattiyā nevatānukkamaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, asappuriso sabbaso ākiñcaññāyatanaṃ samatikkamma nevasaññānāsaññāyatanaṃ upasampajja viharati. So iti paṭisañcikkhati : 'ahaṃ khomhi nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiyā lābhī, ime panaññe bhikkhū nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiyā na lābhinoti. So tāya nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiyā attānukkamaṃseti, paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, asappurisdhammo. Sappuriso ca kho, bhikkhave, iti paṭisañcikkhati : 'nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiyāpi kho atammayatā vuttā bhagavatā. Yena yena hi maññanti tato taṃ hoti aññathāti. So atammayatāññeva antaraṃ karitvā tāya nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiyā nevatānukkamaṃseti, na paraṃ vambheti. Ayampi, bhikkhave, sappurisdhammo. "Puna caparaṃ, bhikkhave, sappuriso sabbaso nevasaññānāsaññāyatanaṃ samatikkamma saññāvedayitanirodhaṃ upasampajja viharati. Paññāya cassa disvā āsavā [ekacce āsavā (ka.)] parikkhīṇā honti. Ayaṃ [ayaṃ kho (syā. kaṃ.)], bhikkhave, bhikkhu na kiñci maññati, na kuhiñci maññati, na kenaci maññatīti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Sappurisasuttaṃ nitthitaṃ tatiyaṃ.

## 113. Sappurisadhammasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

**105. Evaṃ me sutanti** sappurisadhammasuttaṃ. Tattha **sappurisadhammanti** sappurisānaṃ dhammaṃ. **Asappurisadhammanti** pāpapurisānaṃ dhammaṃ. Evaṃ mātikaṃ ṭhapetvāpi puna yathā nāma maggakusalo puriso vāmaṃ muñcitvā dakkhiṇaṃ gaṇhāti. Paṭhamaṃ muñcitabbaṃ katheti, evaṃ pahātabbaṃ dhammaṃ paṭhamaṃ desento **katamo ca, bhikkhave, asappurisadhammoti**ādīmāha. Tattha **uccākulāti** khattiyakulā vā brāhmaṇakulā vā. Etadeva hi kuladvayaṃ “uccākula”nti vuccati. **So tattha pujjoti** so bhikkhu tesu bhikkhūsu pūjāraho. **Antaraṃ karitvāti** abbhantaraṃ katvā.

**Mahākulāti** khattiyakulā vā brāhmaṇakulā vā vessakulā vā. Idameva hi kulattayaṃ “mahākula”nti vuccati. **Mahābhogakulāti** mahantehi bhogehi samannāgatā kulā. **Uḷārabhogakulāti** uḷārehi paṇṭehi bhogehi sampannakulā. Imasmiṃ padadvaye cattāripi kulāni labbhanti. Yattha katthaci kule jāto hi puññabalehi mahābhogopi uḷārabhogopi hotiyeva.

**106. Yasassīti** parivārasampanno. **Appaññātāti** rattiṃ khittasarā viya saṅghamajjhādīsu na paññāyanti. **Appesakkhāti** appaparivārā.

**107. Āraññikoti** samādinnaāraññikadhutaṅgo. Sesadhutaṅgesupi eseva nayo. Imasmiñca sutte pāḷiyaṃ naveva dhutaṅgāni āgatāni, vitthārena panetāni terasa honti. Tesu yaṃ vattabbaṃ, taṃ sabbam sabbākārena **visuddhimagge** dhutaṅganiddese vuttameva.

**108. Atammayatāti** tammayatā vuccati taṇhā, nittaṇhāti attho. **Atammayataññeva antaraṃ karitvāti** nittaṇhatamyeva kāraṇaṃ katvā abbhantaraṃ vā katvā, citte uppādetvāti attho.

Nirodhavāre yasmā anāgāmikhīṇāsavāva taṃ samāpattiṃ samāpajjanti, puthujjanassa sā natthi, tasmā asappurisavāro parihīno. **Na kañci maññatīti** kañci puggalaṃ tīhi maññanāhi na maññati. **Na kuhiñci maññatīti** kismiñci okāse na maññati. **Na kenaci maññatīti** kenaci vatthunāpi taṃ puggalaṃ na maññati. Sesam sabbattha uttānamevāti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Sappurisadhammasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.

